

# XEM VẬN MỆNH THEO BÁT TỰ - TỬ BÌNH

Thân chào Quý Cụ Ông La So 2, Chúng tôi xin gửi đến Quý Cụ Ông La So 2 lá số Tử Trục này và luận giải cùng Quý Cụ Ông những vấn đề mà Quý Cụ Ông đang quan tâm, Quý Cụ Ông hãy kiểm tra lại thông tin cá nhân 1 lần nữa, để chắc không bị nhầm lẫn, vì nhầm lẫn thông tin thì kết quả sẽ sai.

Xin lưu ý về phần lời giải: trong một số ít đoạn bình giải chúng tôi lập chung cho cả nam và nữ, do đó nếu người xem là phái nữ mà có lời giải là 'lấy được vợ đẹp' thì phải hiểu ngược lại là 'chồng đẹp' và đối với người nam cũng vậy. Do đó Quý Cụ Ông đừng nghĩ là lời giải bị sai mà không an tâm.

THÔNG TIN CÁ NHÂN	
Họ Tên	La So 2
Ngày Sinh Dương	Thứ Sáu, Ngày 7 Tháng 10 Năm 1910
Ngày Sinh Âm	Ngày Ất Ty, Tháng Bính Tuất, Năm Canh Tuất (5/9/1910)
Tử Vi	Năm Canh Tuất, Tháng Bính Tuất, Ngày Ất Ty, Giờ Canh Thìn
Bát tự	Năm Canh Tuất, Tháng Ất Dậu, Ngày Ất Ty, Giờ Canh Thìn
Giờ Sinh	Thìn (7:00)
Giới Tính	Nam
Tuổi	Canh Tuất (115 tuổi)

Phái nam: La So 2 Năm Canh Tuất, Tháng Ất Dậu, Ngày Ất Ty, Giờ Canh Thìn

Trụ Năm	Trụ Tháng	Trụ Ngày	Trụ Giờ
<b>Quan</b>	<b>Tĩ</b>	<b>Nhật / Thương</b>	<b>Quan</b>
Canh Tuất	Ất Dậu	Ất Tỵ	Canh Thìn
Mậu Đinh Tân	Tân	Bính Canh Mậu	Mậu Quý Ất
Tài Thực Sát	Sát	Thương Quan Tài	Tài Kiêu Tĩ
Mộ	Tuyệt	Mộc dục	Quan đới
Dức QN	Thiên đức	Thiên đức	Quốc-ấn
Tú QN	Tú QN	Tú QN	Dức QN
-	Tướng-tinh	Cô loan	Tú QN
-	-	-	Thiên-la
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
<b>Thương</b>	<b>Thực</b>	<b>Tài</b>	<b>Tài</b>
Bính Tuất	Đinh Hợi	Mậu Tĩ	Kỷ Sửu
Mậu Đinh Tân	Nhâm Giáp	Quý	Kỷ Tân Quý
Tài Thực Sát	Ấn Kiếp	Kiêu	Tài Sát Kiêu
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
<b>Quan</b>	<b>Sát</b>	<b>Ấn</b>	<b>Kiêu</b>
Canh Dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quý Tỵ
Giáp Bính Mậu	Ất	Mậu Quý Ất	Bính Canh Mậu
Kiếp Thương Tài	Tĩ	Tài Kiêu Tĩ	Thương Quan Tài

**Dụng thần:** Quý, Bính, Đinh

**Cung mệnh:** cung thìn

**Vòng Trường Sinh:**

Tĩ	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Tử	Mộ	Tuyệt	Thai	Dương	Trường sinh	Mộc dục	Quan đới	Lâm quan	Đế vượng	Suy	Bệnh

All rights reserved by [www.XemTuong.net](http://www.XemTuong.net)

Trụ năm bị năm Bính Thìn thiên khắc địa xung.

Trụ tháng bị năm Tân Mão thiên khắc địa xung.

Trụ ngày bị năm Tân Hợi thiên khắc địa xung.

Trụ giờ bị năm Bính Tuất thiên khắc địa xung.

Thai nguyên: Bính Tĩ.

Thai tứ: Canh Thân.

1- Canh Tuất	2- Tân Hợi	3- Nhâm Tý	4- Quý Sửu	5- Giáp Dần	6- Ất Mão
7- Bính Thìn	8- Đinh Tỵ	9- Mậu Ngọ	10- Kỷ Mùi	11- Canh Thân	12- Tân Dậu
13- Nhâm Tuất	14- Quý Hợi	15- Giáp Tý	16- Ất Sửu	17- Bính Dần	18- Đinh Mão
19- Mậu Thìn	20- Kỷ Tỵ	21- Canh Ngọ	22- Tân Mùi	23- Nhâm Thân	24- Quý Dậu
25- Giáp Tuất	26- Ất Hợi	27- Bính Tý	28- Đinh Sửu	29- Mậu Dần	30- Kỷ Mão
31- Canh Thìn	32- Tân Tỵ	33- Nhâm Ngọ	34- Quý Mùi	35- Giáp Thân	36- Ất Dậu
37- Bính Tuất	38- Đinh Hợi	39- Mậu Tý	40- Kỷ Sửu	41- Canh Dần	42- Tân Mão
43- Nhâm Thìn	44- Quý Tỵ	45- Giáp Ngọ	46- Ất Mùi	47- Bính Thân	48- Đinh Dậu
49- Mậu Tuất	50- Kỷ Hợi	51- Canh Tý	52- Tân Sửu	53- Nhâm Dần	54- Quý Mão
55- Giáp Thìn	56- Ất Tỵ	57- Bính Ngọ	58- Đinh Mùi	59- Mậu Thân	60- Kỷ Dậu
61- Canh Tuất	62- Tân Hợi	63- Nhâm Tý	64- Quý Sửu	65- Giáp Dần	66- Ất Mão
67- Bính Thìn	68- Đinh Tỵ	69- Mậu Ngọ	70- Kỷ Mùi	71- Canh Thân	72- Tân Dậu
73- Nhâm Tuất	74- Quý Hợi	75- Giáp Tý	76- Ất Sửu	77- Bính Dần	78- Đinh Mão
79- Mậu Thìn	80- Kỷ Tỵ	81- Canh Ngọ	82- Tân Mùi	83- Nhâm Thân	84- Quý Dậu

Tháng chi khắc ngay can (quan): Ngày chủ tử (cực suy).

Trụ năm có chính quan (quan) nếu Tứ trụ không có thương quan, không vong phá hoại thì được âm đức của ông bà bố mẹ trợ giúp. Thiếu niên dễ thành danh, học tập khoa bảng đỗ đạt. Nếu can chi đều chính quan thì tự thân thành danh hoặc sinh ở gia đình có truyền thống tốt đẹp. Năm can chính quan là làm con trưởng thừa kế sự nghiệp gia đình.

Trụ tháng có tỷ kiên (Tỉ) là có anh chị em nuôi hoặc là con nuôi, có khuynh hướng độc lập không dựa vào gia đình, thích tranh luận biện lý tài. Trường hợp tháng chi có tỷ kiên nữa mà trong trụ không có sao quan thì tính bạo loạn.

Trụ ngày có thương quan (thương) thì bạn đời tướng mạo đẹp đẽ nhưng hay nói dối. Riêng phái nữ nếu có dương nhấn thì tái hôn hoặc sinh lý tử biệt. Nếu ngày có thương quan và giờ có sao tài thì trung niên phát đạt. Nếu ngày chủ suy thì hình vận thương quan thì tai nạn bất trắc, thân thể tổn thương.

Trụ giờ có chính quan thì con cái đôn hậu chính trực. Nếu tọa ở tử tuyệt thì có con mà không được nhờ cậy lúc tuổi già.

Năm chi và giờ chi xung: Với con không hợp.

Cô loan sát chủ về khắc vợ, khắc chồng, chậm có con.

Thập ác đại bại: gặp việc hay dẫn đo, có trí nhưng khó tiến thoái, chủ về thất bại. Ngày thập ác đại bại nếu gặp sao tài, sao quan ngược lại là phúc. Nên gặp năm can chi và ngày can chi xung khắc lại là gặp cát thần quý nhân giúp.

Thiên đức quý nhân: Tính nhân từ đôn hậu, một đời hưởng phúc ít gặp nguy hiểm, gặp hung hóa cát, hóa nguy hiểm thành đường đi tốt, chịu sự che chở của thần linh.

Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130) "Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tứ trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan. Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao. Người tứ trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang. Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt."

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132): Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132): Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136) "Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiếm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh. Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia. Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuyền tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng. Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao". Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền binh. Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dè thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính. Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công. Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng. Nhưng nếu bị tứ tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh. Nếu mệnh kỵ kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Cô loan: chủ yếu nói về hôn nhân không thuận. "Nam khắc vợ, nữ khắc chồng".

Thất sát cách: Trích sách Tử Bình Nhập Môn của Lâm Thế Đức trang 46. Cách cục thành công của cách là: 1: Nhật nguyên rất mạnh (Lộc, Vương, trường sinh). 2: Nhật nguyên cường, Sát càng cường hơn, có thực thần chế ngự Thất sát. 3: Nhật nguyên yếu, Sát mạnh có Ấn tinh sinh Nhật nguyên. 4: Nhật nguyên và Thất sát quân bình, không có quan tinh lẫn lộn. Trường hợp cách cục bị phá hoại khi gặp 1 trong những trường hợp sau: 1. Gặp phải Hình, Xung, Hại. 2. Nhật nguyên yếu không có Ấn. 3. Tài tinh mạnh sinh Sát, Không có Thương, Thực chế Sát. Khi gặp những trường hợp sau thì thái quá (quá nhiều): 1. Sát mạnh lắm, Nhật nguyên yếu, không có Thực, Thương. 2. Tài mạnh và nhiều, Nhật nguyên yếu, sát nhiều. Khi gặp những trường hợp sau thì bất cập (thiếu thốn): 1. Thực mạnh không có tài tinh. 2. Nhật nguyên mạnh, Ấn mạnh. **VẬN HẠN:** 1. Nhật nguyên yếu có Tài tinh cũng mạnh nên lấy Tỷ, Kiếp giúp Nhật nguyên làm Dụng Thần. Hạn gặp Ấn, Tỷ, Kiếp là vận tốt. Gặp Thương, Thực, Tài là vận xấu. 2. Nhật nguyên yếu có Thương, Thực mạnh nên lấy Ấn làm Dụng thần. Hạn gặp Ấn là vận tốt. Gặp Thương, Thực, Tài là vận xấu. 3. Nhật nguyên yếu, Quan, Sát, cường nhiều nên lấy Sát làm Dụng thần. Hạn gặp Ấn, Tỷ là vận tốt. Gặp Tài, Quan là vận xấu. 4. Nhật nguyên mạnh, Ấn nhiều nên lấy Tài làm Dụng thần. Hạn gặp Thương, Tài là vận tốt. Gặp Ấn, Tỷ là vận xấu. 5. Nhật nguyên mạnh, Quan, Sát nhiều nên lấy Thương, Thực làm Dụng thần. Hạn gặp Thương, Thực là vận tốt. Gặp Quan, Ấn là vận xấu.

Chi ngày sinh chi năm là vợ có hiếu với mẹ chồng hoặc quan hệ mẹ chồng nàng dâu tốt.

Ngày giáp ất gặp vận dần, mão là chủ về kiếp tài, phá tài, khắc cha mẹ và gặp những việc phải tranh dành nhau.

Trụ ngày bị thương quan là vợ chồng không hòa thuận nhau, mình hay bị đối phương chửi. Nam gặp thương quan là có hai lần kết hôn; Nữ gặp thương quan là có tái giá.

Mộ chủ: xa gia đình, suy bại, duyên phận bạc bẽo, bần hàn, lo buồn, lao khổ. Trụ năm có Mộ thường ở quê hương giữ gìn phần mộ tổ tiên. Mộ là chỗ chôn cất chứa giấu đi, tứ trụ có chi hình xung, với chi cột an mộ, Mộ sẽ dùng được. Trong trường hợp không có chi hình xung, gặp Tài là người keo bẩn, coi đồng tiền hơn cả tính mệnh, lúc nào cũng bo bo giữ lấy tiền, suốt đời là đầy tớ của tiền của, không dám ăn tiền.

Tuyệt chủ: thăng trầm đoạn tuyệt, hiểu sắc, không giữ lời hứa, xa cách người thân, phá sản, sống cô độc. Trụ tháng có Tuyệt, sống cô độc, làm việc hay bị thất bại.

Mộc dục chủ vì sắc đẹp mà gặp tai nạn, lao khổ, mê hoặc, thay đổi chỗ ở, duyên phận nửa đường chia lìa, không quyết định được việc gì. Trụ ngày có mộc dục, không ở được với cha mẹ, lúc nhỏ lao khổ, không được hưởng của ông cha để lại, mẹ chết sớm, khó lấy vợ, phải tha phương lập nghiệp; Trường hợp tứ trụ có tỉ kiên hoặc kiếp tài tinh hay thiên vị, không nghe lời người khác chỉ bảo, xa xỉ, hiểu sắc, cha mẹ anh em chia lìa. Sinh ngày ất tỵ, có đức vọng, được người khác tôn kính nhưng phúc phận hơi bạc nên người đau ốm luôn. Riêng nữ mệnh, suốt đời bất bình, bất mãn hay gặp sự không may; nếu sinh ngày giáp tí hay tân hợi tinh tinh cứng rắn như đàn ông. Con đầu lòng khó nuôi.

Quan đới chủ có địa vị cao, phát triển, thành công, được tôn kính, có đức, hưởng thượng, thịnh vượng, từ bi, uy nghiêm, có danh vọng. Quan đới bị hình xung hoặc tứ trụ có Thương, Kiếp tài, Thực, Thiên ấn ở sát bên cột Quan đới, không có sao tốt giải cứu thì hay làm việc bất chính, thích đầu cơ tích trữ, khinh đời, kết cục phá gia bại sản, mang tiếng xấu cho cả gia đình. Trụ giờ có quan đới, con cái làm ăn càng ngày càng phát đạt.

Nam, can giờ khắc can ngày hoặc Nữ, can ngày khắc can giờ: Sinh con trai đầu lòng.

Tứ trụ có quan nhiều là con gái nhiều, con trai ít.

Quan tinh đóng ở trụ giờ là con cái tháo vát, thăng tiến.

Cha có quan tinh là sinh con gái.

Cha có can giờ khắc can ngày là sinh con trai đầu lòng.

Trụ ngày giáp ất mà hành vận dần mão thì kiếp tài phá tài.

Thương quan gặp Thương vận là bệnh tật liên miên.

Trụ ngày phạm Thương quan phải đề phòng tàn tật.

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cụ Ông đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Cụ Ông. Quý Cụ Ông có thể xem thêm phần [tứ vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Cụ Ông.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cụ Ông La So 2 thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trần Trọng.

XemTuong.net

